TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**
Số: 317/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 397/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, về việc "Ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 886/42 đường X, tổ 94, KP5, Phường Y, quận Bình TH.

Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1976

Địa chỉ: 4.02 Khối G, Lô N, chung cư Z, phường An Phú, Quận 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 08/6/2016 của UBND phường An Phú, Quận 2 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Ngọc H là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu ông T và bà H sống với nhau H phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây giữa ông T và bà H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau, vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Ông T và bà H đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả như

mong muốn. Vì muốn ổn định cuộc sống nên ông T và bà H thống nhất yêu cầu Tòa án cho ông T và bà H được ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 08/6/2016 của UBND phường An Phú, Quận 2 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông T và bà H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí, án phí mà ông T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0016759 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 04/9/2019. Ông T được hoàn lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Bà H không phải chịu lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND phường An Phú, Quận 2;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến